UBND TỈNH BẮC KẠN **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181 /STP-BCTĐ	*Bắc Kạn, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được văn bản số 1587/SNN-KHTC ngày 07/7/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn. Sau khi nghiên cứu, thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản có liên quan, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó có một số nội dung liên quan đến nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh (quy định tại các Điều 21, 22, 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)). Do vậy, việc UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc

gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là phù hợp và cần thiết.

II. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Tại phần căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị bỏ các căn cứ là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 do các văn bản này không phải là căn cứ trực tiếp ban hành Nghị quyết.

- Dự thảo Nghị quyết có trình bày các căn cứ là: Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lýnhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/ 2022 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai một số nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai

đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025. Tuy nhiên, các văn bản nêu trên đều được ban hành trên cơ sở Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Do vậy, để đảm bảo tính ổn định, phù hợp của dự thảo Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc, tính toán đến trường hợp các văn bản này sẽ sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Để đảm bảo đầy đủ, đề nghị bổ sung nội dung dẫn chiếu đến Thông tư số 12/2023/TT-BYT bởi điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT.

3. Tại khoản 2, khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Dự thảo bổ sung điểm h khoản 1, điểm g khoản 2, điểm h khoản 3 Điều 3 và nội dung chi tại điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (quy định về các nội dung hỗ trợ) như sau: "*Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất*". Theo đó, chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất là một nội dung được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Trong khi mức hỗ trợ được tính trên tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch và ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xác định chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất có nằm trong tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch để tính mức hỗ trợ hay không? chủ thể được giao kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ sản xuất là chủ thể nào? Trên cơ sở đó xây dựng nội dung hỗ trợ cho phù hợp.

4. Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

4.1. Hiện nay, dự thảo Nghị quyết đang quy định theo hướng sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết (không quy định rõ các dự án, kế hoạch liên kết thuộc lĩnh vực nào).

Trong khi đó, tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh quyết định: "*Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ*

trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này". Như vậy, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP chỉ giao HĐND tỉnh quy định trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có quy định: "*Các quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù đã được ban hành theo quy định tại Điều 13; nội dung, hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết ban hành theo quy định tại Điều 21; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất ban hành theo quy định tại Điều 22; quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ ban hành theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được tiếp tục áp dụng trong giai đoạn 2021 - 2025.*

Trường hợp có sửa đổi, bổ sung, cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng các cơ chế (bao gồm, cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp; nội dung, hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết; dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án, đề án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ) theo quy định tại Điều 1 Nghị định này được quyết định sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đã được ban hành trước thời điểm hiệu lực của Nghị định".

Như vậy, đối với dự án, kế hoạch liên kết trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nếu không tiếp tục áp dụng quy định về trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND thì sẽ áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND như tại dự thảo Nghị quyết là chưa phù hợp.

4.2. Trường hợp ban hành quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trên cơ sở nội dung tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại một số nôi dung như sau:

- Tại tiêu đề của khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung), đề nghị trình bày như sau: "Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp".

- Tại đoạn thứ hai điểm b, đoạn thứ tư điểm c, đoạn thứ hai điểm d khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung), đề nghị xem xét lại các nội dung liên quan đến giống cây trồng, vật nuôi.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung), đề nghị xem xét lại về việc quy định nội dung ủy quyền của UBND các cấp. Bởi việc ủy quyền (nếu có) thuộc thẩm quyền quyết định của UBND các cấp và phải được xác định rõ thời gian, điều kiện ủy quyền (theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)).

- Tại điểm b khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung): Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại quy định về nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và quy định "*các nội dung khác (nếu có)*" tại đoạn thứ hai điểm b khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung).

Cơ sở:

Khoản 2 Điều 4 (sửa đổi, bổ sung) là nội dung quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết. Trong khi đó, quy định "*Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: ... nội dung khác (nếu có)*" là nội dung về mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết.

Tại điểm b khoản 2 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) quy định: "*b) Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác và đầu mối tiếp nhận hồ sơ: ... Đối với dự án, kế hoạch liên kết do địa phương thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Hồ sơ, điều kiện và yêu cầu trong lựa chọn dự án, kế hoạch theo điều kiện thực tiễn của địa phương. Mẫu hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch phải quy định rõ các yêu cầu thông tin về: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); <u>nội dung khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</u>*". Như vậy, về mẫu hồ

sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác, trường hợp có quy định về yêu cầu thông tin đối với các nội dung khác trong hồ sơ đề xuất dự án, kế hoạch, HĐND phải quy định cụ thể.

5. Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

Dự thảo quy định bổ sung mẫu hồ sơ và trình tự, thủ tục lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), UBND tỉnh có trách nhiệm xây dựng, trình HĐND tỉnh quyết định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21. Do vậy, đề nghị đơn vị xác định phân loại lĩnh vực đối với dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định nêu trên.

6. Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

6.1. Nội dung tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 5b Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung bởi dự thảo Nghị quyết) là các <u>điều kiện hỗ trợ</u> dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng, đã được quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP). Trong khi đó, dự thảo Nghị quyết đang quy định nội dung <u>tiêu chí lựa chọn</u> dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại việc quy định các nội dung này tại dự thảo Nghị quyết.

6.2. Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung nội dung quy định về cơ sở xác định "*danh mục ngành hàng, sản phẩm khuyến khích ưu tiên hỗ trợ*" được nêu tại khoản 6 Điều 5b Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung bởi dự thảo Nghị quyết).

7. Nội dung khác

7.1. Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định nội dung bổ sung Điều 5b về tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Nội dung này nhằm thực hiện quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023): HĐND tỉnh quy định "*tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này*". Tuy nhiên, đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ

sung bởi Nghị định số 38/2023) cũng giao HĐND tỉnh quy định tiêu chí lựa chọn dự án. Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình về việc không quy định tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại dự thảo Nghị quyết này.

7.2. Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND về trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất của cộng đồng. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP có quy định: "*Các quy định về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù đã được ban hành theo quy định tại Điều 13; nội dung, hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết ban hành theo quy định tại Điều 21; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất ban hành theo quy định tại Điều 22; quy trình, thủ tục, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ ban hành theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được tiếp tục áp dụng trong giai đoạn 2021 - 2025*".

Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình làm rõ về sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

7.3. Tại Điều 1 Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết là *"Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn".* Như vậy, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết chưa bao hàm đầy đủ các nội dung đề xuất bổ sung. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

III. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN

1. Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (nội dung bổ sung điểm đ khoản 4), đề nghị sửa "*Lãnh đạo Uỷ ban nhân dân huyện Ba Bể*" thành *"Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án".*

2. Tại khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (nội dung bổ sung khoản 6 Điều 5b), đề nghị cân nhắc lại việc viện dẫn thực hiện đến các văn bản hành chính thông thường để đảm bảo tính ổn định của văn bản.

Trên đây là báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Tư pháp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử:
- Sở Nông nghiệp &PTNT;
- GĐ; PGĐ sở (đ/c Trung);
- Lưu: VT, XD&KTVB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH BẮC KẠN

Phạm Quốc Trung